

# Giá trị lịch sử văn hóa của di tích hang động núi lửa Đắc Nông

Nguyễn Khắc Sử<sup>1</sup>, La Thế Phúc<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Hội Khảo cổ học Việt Nam.

Email: khacsuc@gmail.com

<sup>2</sup> Viện Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Nhận ngày 11 tháng 11 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 1 năm 2020.

**Tóm tắt:** Bài viết giới thiệu kết quả khai quật hang C6-1, xã Đắc Sor, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, một loại di tích khảo cổ hang động núi lửa độc đáo lần đầu tiên được phát hiện ở Việt Nam. Những tư liệu khai quật ở đây phong phú và đa dạng, cho phép tìm hiểu sự tương thích của con người với biến động của môi trường xung quanh, những thành tựu kinh tế, văn hóa, xã hội mà cư dân tiền sử nơi đây đã đạt được trong giai đoạn từ 7.000 năm đến 4.000 năm cách ngày nay (BP); cũng như diễn trình lịch sử văn hóa, nguồn gốc cư dân và vị trí văn hóa tiền sử hang động núi lửa Krông Nô trong bối cảnh rộng hơn. Những kết quả nghiên cứu này là cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện hồ sơ trình Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận khu vực hang động núi lửa Krông Nô là công viên địa chất toàn cầu, góp phần bảo vệ và phát huy di sản khảo cổ hang động núi lửa trong giai đoạn mở cửa và hội nhập hiện nay.

**Từ khóa:** Di sản văn hóa, hang động núi lửa Krông Nô, khai quật khảo cổ, tiền sử.

**Phân loại ngành:** Khảo cổ học

**Abstract:** The article introduces the results of excavation of C6-1 cave, Dak Sor commune, Krong No district, Dak Nong province, a unique type of archaeological site with a volcanic cave. The type is discovered first in Vietnam. The excavated materials there are rich and diverse, helping one to understand the compatibility of man with the fluctuations of their surroundings, the economic, cultural and social achievements that prehistoric residents there achieved between 7,000 and 4,000 years BP; as well as the historical cultural process, the residents' origins and prehistoric cultural location of the Krong No volcanic cave in the broader context. These research results are the scientific basis for completing the application to submit to the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organisation (UNESCO) for the recognition of the Krong No volcanic cave area as a global geological park, contributing to the preservation and promotion of the archaeological heritage of volcanic caves in the open-door and integration period today.

**Keywords:** Cultural heritage, Krong No volcanic cave, archaeological excavations, prehistory.

**Subject classification:** Archaeology

## 1. Mở đầu

Sau nhiều nỗ lực tìm kiếm, năm 2017 các nhà địa chất và khảo cổ đã phát hiện 10 di tích khảo cổ trong số gần 100 hang động núi lửa ở Krông Nô, tỉnh Đắk Nông [9]. Một trong 10 hang đó đã được chọn để khai quật là hang C6-1 vào các năm 2018 và 2019. Di tích được khai quật theo Quyết định số 52/QĐ-BVHTTDL, ngày 9/1/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam và nằm trong khuôn khổ Đề tài khoa học mã số TN17/T06, của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, do Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam chủ trì.

Hang động núi lửa C6-1 ở tọa độ  $12^{\circ}30'47,6''$  vĩ Bắc,  $107^{\circ}54'06,2''$  kinh Đông, cao 346 m so với mực nước biển, thuộc loại hang âm, nằm sâu dưới lòng đất. Cửa hang lộ ra nhờ một đoạn vòm hang yếu nhất sụt xuống kiểu giếng trời. Vách đáy giếng có các cửa hang. Hang C6-1 có đến 3 cửa; cửa chính hình bán nguyệt, rộng 15 m, cao 3,2 m. Hang có hình vòm cao, rộng dốc thoải thoải, sâu vào lòng đất, chạy theo hình chữ C lượn quanh một khối đá basalte lớn. Hang tiếp tục mở rộng, ăn sâu và chạy dài dưới lòng đất với tổng chiều dài 293 m. Các di tích văn hóa của cư dân tiền sử tập trung cao ở phần cửa hang chính. Ở đó, nền hang phẳng, rộng, thoáng, sáng và hơi dốc vào trong, tránh ngập nước vào mùa mưa. Nhìn chung, hang C6-1 đã hội đủ các yếu tố cần thiết cho việc định cư lâu dài của con người. Đó là lòng hang rộng, tiếp nhận nhiều ánh sáng, nền hang phẳng, dốc nghiêng vào trong, đi lại trong hang dễ dàng, không bị ngập nước vào mùa mưa;

hang có nhiều cửa, lòng hang thông thoáng; kết cấu đá vòm hang về cơ bản đã ổn định, an toàn tho việc sinh hoạt trong hang. Cửa hang nằm sâu khoảng 4 m so với mặt đất, lối lên xuống dễ dàng. Xung quanh hang có các mảng rừng thưa, thành phần động, thực vật phong phú, đa dạng, có nhiều loài làm thực phẩm, nuôi sống con người. Nguồn nước sinh hoạt ở đây dồi dào, gồm sông Srêpok và hệ thống chi lưu của nó, đặc biệt là thác nước Dray sập nổi tiếng trong vùng (Hình 1).

## 2. Diễn trình văn hóa nghìn năm trong hang núi lửa

Tầng văn hóa, chứa dấu tích cư trú và các hoạt động sống của con người tại hang C6-1 dày 1,85 m. Hơn 20 lớp đào, mỗi lớp dày trung bình 10 cm cho thấy có sự diễn biến văn hóa từ dưới lên trên, qua sự thay đổi về quy mô cấu trúc các bếp lửa, tổ hợp công cụ lao động bằng đá, bằng xương, các đồ dùng bằng vỏ nhuyễn thể và bằng đồ gốm đất nung, thay đổi về thành phần động vật mà cư dân săn bắt được, những biến động về môi trường và khí hậu qua phân tích bào tử phấn hoa, độ từ cảm trong suốt hàng nghìn năm tồn tại.

Một hệ thống niên đại tuyệt đối bằng phương pháp định tuổi cacbon ( $C^{14}$ ) gồm 13 mẫu than trong địa tầng nguyên vẹn của di tích được phân tích tại Phòng Thí nghiệm Radiocarbon của Viện Địa lý RAS (Nga) và Phòng thí nghiệm IGAN của Trung tâm Nghiên cứu Đồng vị ứng dụng, Đại học Georgia (Hoa Kỳ) cho kết quả (Bảng 1) dưới đây:



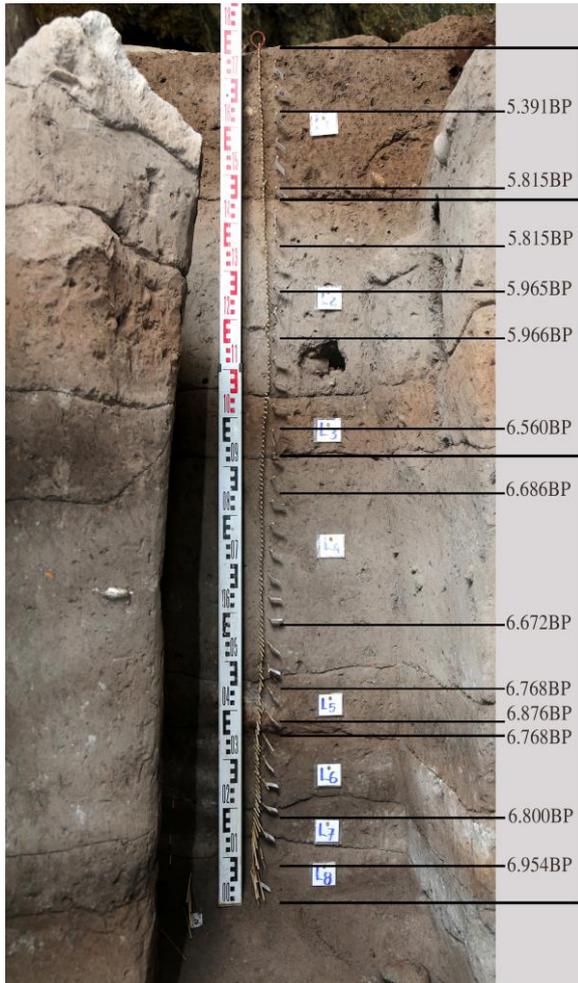
Hình 1. Hang C6-1 Krông Nô, khai quật 2018-2019 [1]

Bảng 1. Kết quả phân tích niên đại C14 Hang C6-1 ở Krông Nô (Đắk Nông) [1]

TT	Ký hiệu mẫu	Độ sâu mẫu (cm)	Chất liệu, mẫu	Niên đại BP	Niên đại sau hiệu chỉnh
1	18.C6-1.C4.L1.2	16	Than	4.680±20	5.391BP
2	17.C6-1.D3.L3	32	Than	5.070±20	5.815BP
3	17.C6-1.D3.L.6	43	Than	5.110±20	5.815BP
4	17.C6-1.D3.L.7	56	Than	5.225 ±20	5.965BP
5	17.C6-1.D3.L.8	63	Than	5.230±20	5.966BP
6	18.C6-1.C2.L4.3	58	Than	5.760±25	6.560BP
7	18.C6-1.D4.L4.5	99	Than	5.780±25	6.686BP
8	18.C6-1.D2.L4.7	125	Than	6.030±25	6.876BP
9	18.C6-1.C2.L4.9	126	Than	5.850±25	6.672BP
10	18.C6-1.D4.L4.10	138	Than	5.945±25	6.768BP
11	18.C6-1.C4.L4.12	154	Than	5.945±25	6.768BP
12	18.C6-1.D4.L4.13	175	Than	5.970±25	6.800BP
13	18.C6-1.C3.L4.16	183	Than	6.090±25	6.954BP

Bảng trên cho thấy, những người đầu tiên đến cư trú tại Hang C6-1 là 6.090 ±25 năm BP (sau hiệu chỉnh là 6.954 năm BP) qua mẫu độ sâu 1,83 m. Các cộng đồng cư dân cư trú liên tục ở đây, tạo ra một tầng văn hóa dày với hệ thống các niên đại trẻ

dần. Niên đại trẻ nhất được biết ở độ sâu 16 cm là 4.680 ±20 năm BP (Hình 2). Do con người còn tiếp tục cư trú ở đây cho đến lúc kết thúc địa tầng hang, nên niên đại kết thúc việc cư trú trong hang là vào khoảng 4.000 năm BP [7].



Hình 2. Địa tầng hang C6-1 và hệ thống niên đại C14 của các lớp văn hóa [7]

Như vậy, cộng đồng cư dân tiền sử đã cư trú trong hang C6-1 liên tục khoảng 3.000 năm, từ 7.000 năm đến 4.000 năm BP. Đây cũng là khung thời gian tồn tại của một số cư dân trung kỳ Đá mới phân bố ngoài trời ở miền Bắc Việt Nam; cùng bình tuyến với văn hóa hậu Hòa Bình (Post-hoabinhian) và Holocene trung trong phân kỳ địa chất - khảo cổ Việt Nam [4].

Trong hố khai quật hang C6-1 với diện tích 10 m<sup>2</sup>, sâu 1,8 m đã thu được khối lượng di vật đồ sộ, gồm 3.967 di vật đá,

1 di vật đồng, 66 di vật xương, 11 di vật ốc biển, 76.591 mảnh xương động vật, 16.877 vỏ các loài nhuyễn thể, 1.588 cục thổ hoàng, 7 mộ táng, 14 bếp, cùng nhiều mảnh di cốt người. Đây là nguồn sử liệu quan trọng cho phép phác thảo diện mạo văn hóa tiền sử hang C6-1 với hai giai đoạn phát triển dưới đây.

*Giai đoạn sớm*, gồm các lớp ở độ sâu từ 1,85 m lên đến 0,9 m có niên đại từ 7.000 năm đến 5.500 năm BP. Trong giai đoạn này, các cộng đồng cư dân tiền sử Krông Nô khai thác đá cuội sông, chất liệu cứng, như: thạch anh, thạch anh biến tính, phiến silic hoặc ba dan để chế tác công cụ. Cư dân giai đoạn này chủ yếu sử dụng kỹ thuật ghè đẽo trực tiếp, đá ghè đá, bằng kỹ thuật ghè hai mặt, tạo ra các loại hình công cụ có hình dáng ổn định như: rìu hình bầu dục, rìu mài lưỡi, rìu thắt eo hai bên, nạo hình đĩa, rìu ngắn có đốc chặt ngang, một số công cụ mảnh tước tu chỉnh. Vào giai đoạn này đã xuất hiện kỹ thuật mài trong việc chế tác những chiếc rìu mài lưỡi, những mũi nhọn xương, kích thước nhỏ, mài nhẵn toàn thân (Hình 3).

Cư dân giai đoạn này tiến hành săn bắt một số loài động vật xung quanh. Một số động vật săn bắt được đưa về hang làm thức ăn và bỏ lại xương ở nơi cư trú, như xương của các loài: tê giác, trâu rừng, bò rừng, hươu, nai, lợn rừng, kỳ đà, rùa, ba ba. Người thời này cũng tiến hành thu lượm các loài động vật dưới nước đưa về hang làm thức ăn, như cua, cá, các loài nhuyễn thể như ốc núi, ốc suối, trai, trùng trục, hến... Trong số xương cốt động vật ở đây chưa thấy loài động vật thuần dưỡng [2].



Hình 3. Di vật đá, nhuyễn thể, xương hang C6-1 Krông Nô [7]

Kết quả phân tích bào tử phấn hoa cho biết, ở giai đoạn sớm, phổ phấn hoa chủ yếu thuộc họ cây thân gỗ thấp, phản ánh môi trường rừng cây khá quang đãng có thể liên quan đến hoạt động phát quang của con người thời kỳ này. Trong thành phần phấn hoa, loài cây nhiệt đới chiếm ưu thế, chỉ thị cho môi trường rừng cây nhiệt đới có sự đan xen giữa ẩm, ẩm và mát [2]. Phân tích cỏ từ cảm trầm tích địa tầng hang C6-1 cho biết, vào giai đoạn sớm, khí hậu và môi trường xung quanh hang có sự thay đổi xen kẽ nhau giữa 4 vùng từ lạnh khô và 4 vùng từ lạnh hơn. Riêng ở giai đoạn sau từ 5.500 xuất hiện 2 chu kỳ thời tiết lạnh khô và lạnh, hai chu kỳ này chồng chập lên nhau; một chu kỳ kéo dài 475 năm và 1 chu kỳ kéo dài 317 năm. Nghĩa là, chu kỳ biến động khí hậu ở giai đoạn sau ngắn hơn (hay hẹp hơn) giai đoạn trước đó [3].

Về táng thức, ở giai đoạn sớm, cư dân chôn người chết tại nơi cư trú. Cả 7 mộ táng thuộc giai đoạn này đều được chôn theo tư thế ngồi bó gối hoặc nằm co bó gối. Mật độ mộ táng ở đây khá cao, nhưng không thấy có hiện tượng chôn cất đè lên nhau, cắt xẻ nhau. Điều đáng ghi nhận là xương cốt người ở đây đều được bảo tồn khá tốt, kể cả mộ trẻ em như mộ số 2. Trong số các mộ này, bước đầu giám định được chủ nhân mộ 1 là một người đàn ông trưởng thành, khoảng 25 đến 35 tuổi. Hộp sọ mộ này được phục nguyên từ 191 mảnh, sọ còn đủ 32 răng; các xương chi còn khá nguyên vẹn. Dựa vào độ dài xương chi, có thể tính toán được chiều cao mộ 1 vào khoảng 1,84 m-1,85 m. Người tiền sử có chiều cao như vậy hầu như chưa gặp trong xương người cổ ở Việt Nam. Về thành phần

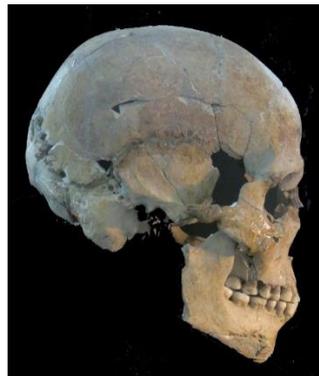
nhân chủng, sọ người mộ 1 có nét gần với người Melanesien của thổ dân Australia và sọ Indonesien vốn phổ biến trong văn hóa Hòa Bình [1, tr.97-108] (Hình 4), một văn hóa sơ kỳ Đá mới ở Việt Nam, niên đại từ 12.000 đến 7.000 năm BP.

*Giai đoạn muộn*, gồm di tồn văn hóa ở các lớp thuộc độ sâu từ 0,9 m lên đến lớp

mặt, có niên đại từ 5.500 năm đến khoảng 4.000 năm BP. Vào giai đoạn này, một bộ phận cư dân vẫn tiếp tục cư trú trong hang, nhưng đã có một số đã rời hang ra cư trú ngoài hang, trong một số địa điểm xung quanh, như đã gặp ở cạnh thác nước Dray sap, Krông Nô nơi tìm thấy tổ hợp di vật đá và gốm giống Hang C6-1.



a. Mộ chôn nằm co



b. Chuẩn bên sọ M1



b. Chuẩn trước sọ M1

Hình 4. Mộ 1 và di cốt người mộ 1 ở di tích hang C6-1 [1]

Vào giai đoạn muộn, ngoài một số công cụ giống giai đoạn sớm, ở đây xuất hiện của cuốc, rìu, bôn và đục đá mài toàn thân; xuất hiện dụng cụ gia công chông như bàn mài, lưỡi cưa đá; tìm thấy khá nhiều chày, bàn nghiền, loại dụng cụ liên quan đến gia công thực phẩm; xuất hiện đồ kim loại như mũi tên đồng có ngạnh và đặc biệt có mặt đồ gốm, loại dụng cụ đun nấu bằng đất nung, trang trí hoa văn thừng, văn chải (Hình 5).

Vào giai đoạn muộn, cư dân ở đây đã săn bắt được các loài động vật thuộc nhóm thú ăn thịt, thú gặm nhấm, nhưng số lượng ít hơn giai đoạn sớm. Đó là hổ, lửng lợn, rái cá, gấu, cầy, chó. Thông thường các động vật lớn chỉ có một vài mẫu xương, riêng tê giác ở đây cũng là loại thú lớn, nhưng đã tìm thấy 13 mẫu, gồm răng, xương ngón chân, xương đùi, xương sườn... Điều này

gợi ý việc săn bắt các động vật lớn đòi hỏi tập thể nhiều người; việc phân chia thành quả sau khi săn cho những người tham dự chỉ là một phần của con mồi sau khi săn. Việc này tiến hành ở ngoài hang và người xưa chỉ mang về hang phần được chia từ con vật mà thôi.



Hình 5. Di vật giai đoạn muộn hang C6-1 [7]

Người giai đoạn này vẫn tiếp tục thu lượm các loài nhuyễn thể. Thống kê cho thấy, số lượng vỏ nhuyễn thể ít ở các lớp đáy, đạt tỷ lệ rất cao ở các lớp giữa thuộc giai đoạn muộn, và tương đối đồng đều ở các lớp giai đoạn muộn. Các loài ốc núi số lượng ít và có mặt ở hầu hết các lớp đào (chiếm 2,09% tổng số mẫu nhuyễn thể trong hố khai quật). Các loài ốc vụn chiếm tuyệt đối (85,4%); các loài trai, trùng trục ngắn chiếm 9,77%. Điều này gợi ý sự ổn định của thủy vực nước ở gần khu vực hang. Riêng hén sông chỉ tìm thấy ở lớp gần với bề mặt, không có ở các lớp sớm, gợi ý rằng, vào giai đoạn muộn có sự xuất hiện của dòng chảy thường xuyên gần khu vực hang C6-1; đó là điều kiện tiên quyết cho loài hén sông phát triển. Thành phần động thực vật và bào tử phấn hoa giai đoạn muộn cho thấy, môi trường và khí hậu giai đoạn này gần với hiện nay hơn, chế độ nhiệt đới ẩm rõ rệt hơn giai đoạn trước.

### 3. Giá trị di sản khảo cổ hang động núi lửa

*3.1. Kết quả khai quật hang động núi lửa C6-1 là tài liệu quan trọng tìm hiểu sự tương thích của con người với biến động của môi trường, truyền thống cư trú, kiếm sống, chế tác công cụ và nguồn gốc của cộng đồng cư dân giai đoạn từ 7.000 năm BP ở Tây Nguyên.*

Lần đầu tiên giới khảo cổ học Việt Nam và Đông Nam Á biết đến một loại hình di tích khảo cổ hang động núi lửa, cho phép chúng ta nhận thức mới về sự thích ứng mới của cư dân thời tiền sử với môi trường hoạt động dữ dội nhất của núi lửa trên đất Tây Nguyên. Sự thích ứng ấy thể hiện trước hết

ở việc chế tác công cụ đá. Cư dân ở đây bảo lưu hình dáng công cụ của người Hòa Bình, nhưng lại cách tân về kỹ thuật, từ ghè một mặt sang ghè hai mặt, nhưng vẫn tạo ra tổ hợp công cụ kiểu Hòa Bình như rìu hình bầu dục, rìu ngắn, nạo hình đĩa, vốn là công cụ đặc trưng cơ bản của kỹ nghệ Hòa Bình. Loại công cụ này được sáng tạo, cách tân ở đây có sự phù hợp với chất liệu đá trong vùng, đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng trong điều kiện môi trường cụ thể của vùng đất đỏ Tây Nguyên. Tư liệu này đã xác nhận sự kế thừa và đổi mới trong kỹ nghệ chế tác đá của cư dân tiền sử trong bình tuyến hậu Hòa Bình ở Việt Nam.

Cũng như vậy, cư dân trung kỳ Đá mới hang động núi lửa ở Krông Nô vẫn bảo lưu lối sống Hòa Bình trước đó. Đó là ăn ốc, ở hang, săn bắt, hái lượm đa tạp, theo phổ rộng. Săn bắt và thu hái nhiều loài động, thực vật cùng một lúc ở xung quanh mình, mỗi loài một ít, không chuyên săn bắt một loài động vật nào, không dẫn đến tình trạng hủy diệt bầy đàn đó. Lối sống này đảm bảo cân bằng sinh thái, cho phép cộng đồng người săn bắt - hái lượm ở đây định cư lâu dài trong hang.

Về táng thức, cư dân trung kỳ Đá mới hang động Tây Nguyên bảo lưu đậm nét truyền thống của người Hòa Bình. Đó là truyền thống chôn người tại nơi cư trú, chôn nằm co bó gối hoặc ngón xôm bó gối, có đồ tùy táng chôn theo, mộ được rắc thổ hoàng, một số vỏ ốc biển loài *Cypreae* sp. Truyền thống chôn cất này kết thúc sau 4.000 năm, khi mà ở Tây Nguyên xuất hiện các kiểu táng thức mới. Đó là mộ quan tài gồm kiểu nôi vò úp nhau hoặc mộ chum, khá điển hình trong cư dân văn hóa Lung Leng và Biển Hồ ở Bắc Tây Nguyên. Cũng nói thêm, về thành phần nhân chủng

mộ 1, niên đại 6.500 năm BP thuộc loại hình Indonesien vốn phổ biến trong cư dân văn hóa Hòa Bình ở Bắc Việt Nam. Và đây cũng là các bằng chứng rõ nhất về truyền thống và nguồn gốc của cư dân trung kỳ Đá mới Tây Nguyên từ cư dân văn hóa Hòa Bình, giai đoạn 7.000 - 4.000 năm BP.

*3.2. Những tư liệu khảo cổ học hang động núi lửa Tây Nguyên là tài liệu đáng tin cậy cho việc nhận thức diễn trình tiền sử Tây Nguyên từ trung kỳ Đá mới sang hậu kỳ Đá mới, cũng như nguồn gốc cư dân trung kỳ Đá mới Tây Nguyên.*

Ngoài hang C6-1, ở Tây Nguyên cũng đã biết đến một số di tích trung kỳ Đá mới, có tổ hợp di vật gọi lại công cụ kiểu Hòa Bình như lớp giữa di tích Lung Leng (Kon Tum), Làng Gà (Gia Lai), Buôn Kiêu (Đắk Lắk), Thôn Tám (Đắk Nông), hoặc Gia Canh (Đồng Nai) và Eo Bồng (Phú Yên) [5].

Kết quả khai quật Hang C6-1, đối chiếu với các di tích nói trên đã xác nhận, trong tiến trình lịch sử, trên đất Tây Nguyên thực sự tồn tại một giai đoạn văn hóa trung kỳ Đá mới sau Hòa Bình. Các văn hóa trung kỳ Đá mới vùng đồng bằng ven biển Việt Nam được xác định gồm: văn hóa Đa Bút (Thanh Hóa - Ninh Bình), văn hóa Cái Bèo (Quảng Ninh - Hải Phòng), văn hóa Quỳnh Văn (Nghệ An - Hà Tĩnh) và di tích Bàu Dũ (Quảng Nam). Nếu như các cộng đồng cư dân này gắn liền với quá trình khai phá đồng bằng ven biển, tạo nên các sắc màu văn hóa biên tiền sử, thì các cộng đồng cư dân văn hóa trung kỳ Đá mới ở Tây Nguyên được xem là đại diện cho những người tiên phong khai phá vùng đất cao nguyên đất đỏ.

Trong môi trường mới, cư dân trung kỳ Đá mới ở Tây Nguyên đã bảo lưu sâu đậm

truyền thống văn hóa Hòa Bình, không chỉ ở loại hình công cụ đá, các hoạt động kiếm sống kiểu Hòa Bình, mà cả táng tục chôn người nằm co bó gối trong hang. Trong hoàn cảnh mới, cư dân ở đây đã cách tân văn hóa trong kỹ thuật ghè hai mặt trong chế tác công cụ đá.

Một số truyền thống Hòa Bình chỉ bị phá vỡ khi cư dân ở đây bước vào giai đoạn hậu kỳ Đá mới với sự xuất hiện các yếu tố mới. Đó là sự tập trung cao các di tích hậu kỳ Đá mới trong một số khu vực với đặc trưng di tích và di vật ổn định, xác lập sự hiện diện của các văn hóa khảo cổ độc lập, như các văn hóa: Lung Leng (Kon Tum), Biển Hồ (Gia Lai), Buôn Triết (Đắk Lắk), các nhóm di tích: Thôn Bón (Lâm Đồng), Chư K'tur (Đắk Lắk), H'lang (Gia Lai). Những yếu tố mới điển hình xuất hiện ở giai đoạn này còn là sự xuất hiện các công xưởng chuyên chế tác cuốc, rìu tứ giác, rìu có vai, bôn hình răng trâu bằng chất liệu đá opal, silic, phtanite; hoàn chỉnh kỹ thuật mài, cưa và đánh bóng, đi liền với phân công lao động trong từng bộ lạc nhỏ. Vào giai đoạn này, cư dân hậu kỳ Đá mới đều có xu hướng chung là định cư, sản xuất nông nghiệp dùng cuốc, chôn người bằng quan tài mộ chum hoặc nôi vò úp nhau, một kè góm... Cư dân giai đoạn này mở rộng giao lưu rộng rãi với nhau và với cư dân tiền sử khác ở ven biển Trung Bộ, miền Đông Nam Bộ hoặc với tiền sử Lào và Campuchia [4].

*3.3. Sự hiện của các di tích khảo cổ hang động núi lửa Krông Nô thật sự là một biên niên sử nguyên vẹn, nổi bật về sự biến đổi môi trường và sự thích ứng của con người trong quá khứ; một thí dụ nổi bật về truyền thống cư trú của con người, truyền thống*

*sử dụng hang, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; đại diện cho quá trình tương tác giữa con người với môi trường dưới tác động của những thay đổi của tự nhiên và xã hội vùng đất đỏ Tây Nguyên.*

Các bằng chứng về địa chất, cổ sinh và khảo cổ học ở khu vực núi lửa Krông Nô đã cho chúng ta những thông tin quan trọng về các môi trường đã mất, về lịch sử tiến hóa và tính đa dạng của tự nhiên, cũng như việc con người đã thích ứng như thế nào với điều kiện biến động của môi trường ở đây. Những phát hiện rõ ràng về đặc điểm thực vật, động vật xa xưa và các mối liên quan với các chứng cứ khảo cổ học và môi trường vùng núi lửa ở đây là không thấy phổ biến ở Việt Nam và Đông Nam Á. Và, trong trường hợp này, văn hóa tiền sử hang động núi lửa ở Krông Nô nhanh chóng được công nhận về khoa học như là một chuỗi điển hình trong khu vực.

#### 4. Kết luận

Câu chuyện văn hóa tiền sử hang động núi lửa Krông Nô ở Tây Nguyên là kho tư liệu vô giá về các thảm họa thiên tai sau các hoạt động núi lửa và sự thích ứng của con người để tồn tại và phát triển trong mối tương thích với môi trường tự nhiên. Các di tồn văn hóa tiền sử hang động núi lửa Tây Nguyên xứng đáng được xem là nguồn tư liệu quan trọng cho việc xây dựng hồ sơ trình UNESCO công nhận Khu Công viên Địa chất toàn cầu núi lửa Krông Nô, một nguồn lực mới góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Lâm Cường (2019), “Lần đầu tiên Việt Nam phát hiện được di cốt người cổ trưởng thành trong hang núi lửa ở Krông Nô (Đắk Nông)”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Thị Mai Hương, Phan Thanh Toàn (2019), “Kết quả phân tích bào tử phấn hoa hang C6-1 Krông Nô (Đắk Nông)”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2019*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Lưu Thị Phương Lan, (2018), *Sử dụng số liệu từ cảm nghiên cứu cổ khí hậu tại hang C6.1 Đắk Nông, Tây Nguyên*, Tư liệu Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Khắc Sử (2007), *Khảo cổ học tiền sử và sơ sử Tây Nguyên*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Khắc Sử (Chủ biên) (2016), *Khảo cổ học tiền sử miền Trung Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Khắc Sử, Nguyễn Ngọc (2017), “Phân chia địa tầng kỷ Đệ tứ và phân kỳ khảo cổ học tiền sử Việt Nam”, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 5.
- [7] Nguyễn Khắc Sử, Lê Xuân Hưng, La Thế Phúc (2019), “Kết quả khai quật hang C6-1 Krông Nô (Đắk Nông)”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2018*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Anh Tuấn, Vũ Tiến Đức, Nguyễn Thành Vương (2019), “Xương răng động vật và vỏ nhuyễn thể khai quật hang C6-1 năm 2018”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2018*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] La The Phuc, Nguyen Khac Su, Vu Tien Duc, Luong Thi Tuat, Phan Thanh Toan, Nguyen Thanh Tung, Nguyen Trung Minh (2017), “New discovery of prehistoric archaeological remnants in volcanic caves in KrongNo, Dak Nong Province”, in *Vietnam Journal of Earth Sciences*, 39 (2).

